

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2021/HSPT
Ngày 28 tháng 4 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh
Ông Lê Tự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2021/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Lê Văn Tr, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn Tr sinh ngày 16/8/1990 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh M1 và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị M2 và 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo (theo yêu cầu của Tòa án): Bà Phan Thị Bích X, Luật sư của Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị M2, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (đã chết ngày 03/8/2020).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thị Ngọc L1:

1. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở hiện nay: 301 đường T1, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị M2, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn 6, xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của các chị Nguyễn Thị M2, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Th: Anh Nguyễn Ngọc H; nơi ở hiện nay: 301 đường T1, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Th1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Th1: Anh Nguyễn Ngọc H; nơi ở hiện nay: 301 đường T1, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

2. Ông Lê Thanh M1 và bà Nguyễn Thị B; cùng địa chỉ cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Tr và chị Nguyễn Thị M2 là vợ chồng. Do nghi ngờ vợ ngoại tình nên Lê Văn Tr nảy sinh ý định ban đêm đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị Ngọc L1 (bà L1 là mẹ đẻ chị M2; chị M2 đang sống cùng bà L1) để đánh chị M2 và bà L1. Để thực hiện ý định này, từ ngày 24/7/2020 đến ngày 02/8/2020 Tr mua 01 ổ khóa (mục đích khi đột nhập vào nhà bà L1 sẽ khóa trái cửa lại, không cho ai chạy ra ngoài); mua một cây sắt “V” dài khoảng 03 m và nhờ người cắt ra làm ba thanh (một thanh dài khoảng 80 cm, một thanh dài 75 cm, một thanh dài khoảng 1,4 m) đem để tại khu vực ruộng gần nhà bà L1 và mua 01 cái búa cầm tay mang về cất giấu ở mép bờ ruộng cách nhà bà L1 khoảng hơn 01 km.

Sau khi chuẩn bị các công cụ trên, đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 03/8/2020 Tr một mình điều khiển xe mô tô mang theo 02 thanh sắt hình chữ “V”, 01 ổ khóa cửa và 01 cái búa đến nhà bà L1 để tìm đánh bà L1 và chị M2. Khi đến nơi, Tr dựng xe mô tô bên ngoài nhà bà L1 rồi cầm theo các công cụ trên đi vòng ra phía sau nhà bà L1. Tr dùng búa đập phần tôn bên dưới cánh cửa để đột nhập chui vào nhưng không đập được nên Tr đập bể cửa kính, đưa tay vào bên trong mở chốt cửa và bỏ ổ khóa mang theo tại đó rồi xông vào nhà.

Nghe có tiếng đập cửa, bà L1 đi xuống phía cửa sau thì thấy Tr nên bà L1 la lên rồi bỏ chạy còn chị M2 đang đứng chỗ giường ngủ. Tr xông đến dùng thanh sắt hình chữ “V” đánh liên tiếp nhiều cái vào chân, tay chị M2. Trong lúc đánh chị M2, Tr nói: “Mày nói thằng đó là ai”, chị M2 nói không biết; Tr tiếp tục dùng cây sắt đánh chị M2 nhiều cái nữa. Lúc này, bà L1 thấy vậy nên chạy tới để can ngăn thì Tr dùng thanh sắt đánh từ trên xuống, từ phải qua trái vào đầu bà L1 làm bà L1 ngã quỵ xuống nền nhà, Tr tiếp tục dùng thanh sắt đánh liên tiếp nhiều cái vào người, tay, chân của bà L1. Khi thấy Nguyễn Th1 (tên gọi khác: Cu Ba, là con bà L1 bị bệnh tâm thần) ở trong nhà mở cửa trước và bà Nguyễn Thị Bình là hàng xóm của bà L1 đến truy hô thì Tr bỏ lại 02 thanh sắt và các công cụ mang theo tại hiện trường rồi chạy ra phía sau lấy xe bỏ trốn. Bà Nguyễn Thị Ngọc L1 và chị Nguyễn Thị M2 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, đến 23 giờ 30 phút ngày 03/8/2020 bà L1 tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 579/KLGD-PC09 ngày 07/8/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

- Nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị Ngọc L1: Đa thương tích, đa chấn thương, chấn thương sọ não, vỡ sụn xương hộp sọ, xuất huyết não dẫn đến chết.

- Cơ chế hình thành dấu vết: Vết thương ở vùng đỉnh trán bên trái là do vật tày có cạnh tác động tương tác với lực rất mạnh, theo hướng từ trên xuống dưới từ phải qua trái tạo nên.

- Các vết thương còn lại trên cơ thể tử thi là do vật tày có cạnh tác động tương tác theo hướng vuông góc với bề mặt vết thương tạo nên.

Tại Bản kết luận giám định dấu vết sinh học số 595/KLGD-PC09 ngày 24/8/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

- Chất màu nâu bám dính trên 02 thanh sắt hình chữ “V” thu tại hiện trường gửi giám định là máu người, thuộc nhóm máu O.

- Chất màu đỏ bám dính trên nền nhà bà L1 thu tại hiện trường gửi giám định là máu người, thuộc nhóm máu O.

- Tử thi bà Nguyễn Thị Ngọc L1 thuộc nhóm máu O.

Tại Bản kết luận giám định thương tích số 181/TgT ngày 14/8/2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Tỷ lệ thương tích, tổn hại sức khỏe của Nguyễn Thị M2 là 36%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố Lê Văn Tr phạm tội “Giết người”, “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Văn Tr chung thân về tội “Giết người”.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Văn Tr 06 (Sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Lê Văn Tr phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 03/8/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định buộc bị cáo Lê Văn Tr phải chịu nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho những người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc L1, cho bị hại chị Nguyễn Thị M2 và nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Nguyễn Th1; nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án dân sự; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; phổ biến quyền kháng cáo và thủ tục về thi hành án dân sự cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/12/2020 bị cáo Lê Văn Tr có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn Tr giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Bị cáo Lê Văn Tr là người có quyền kháng cáo, đã kháng cáo trong thời hạn luật định, thủ tục kháng cáo đúng quy định của pháp luật nên Đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn Tr thì thấy, khi xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất nguy hiểm cho xã hội, hậu quả từ hành vi phạm tội đặc biệt của bị cáo; đã áp dụng đúng tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định xử phạt bị cáo tù chung thân về tội “Giết người”, 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt bị cáo Tr phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tù chung thân là có căn cứ, đúng pháp luật, không nặng. Bị cáo Lê Văn Tr kháng cáo xin giảm mức hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào, không có tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân sự việc dẫn đến bị cáo phạm tội; bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Từ đó áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn từ 20 đến 25 năm, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm

cải tạo trở thành người lương thiện có ích cho gia đình, xã hội và sớm được trở về chăm sóc cha mẹ cùng con của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thông qua lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa; căn cứ vào bản kết luận giám định pháp y về tử thi; kết luận giám định mẫu máu của bị hại, tại hiện trường và trên vật chứng là công cụ phạm tội; lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Lê Văn Tr và bị hại Nguyễn Thị M2 là vợ chồng, khi Tr đi làm thì chị M2 thường xuyên về ở tại nhà mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Ngọc L1. Chỉ vì nghi ngờ ghen tuông vô cớ nên bị cáo đã chuẩn bị công cụ, phương tiện nhằm mục đích để đánh chị M2. Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 03/8/2020, Lê Văn Tr đã phá cửa xông vào nhà bà L1, dùng 02 thanh sắt hình chữ V đánh nhiều cái vào chân, tay chị M2; ngay lúc đó, bà L1 phát hiện và ngăn cản thì Tr dùng thanh sắt đánh 01 nhát trúng vào đầu và nhiều nhát vào người bà L1. Hậu quả làm bà L1 chết do “Đa thương tích, đa chấn thương, chấn thương sọ não, vỡ sụn xương hộp sọ, xuất huyết não” và chị M2 bị thương tích gãy hai chân với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 36%.

Hành vi mà bị cáo đã thực hiện thể hiện tính côn đồ, hung hãn, xem thường tính mạng của người khác. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên bị cáo Lê Văn Tr phạm vào tội “Giết người” thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp “Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc trường hợp có tính chất côn đồ” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn Tr xin giảm mức hình phạt thì thấy:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả từ hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của bị cáo và đã áp dụng đúng tội danh, khung hình phạt; đã xem xét đầy đủ đặc điểm nhân thân bị cáo lần đầu phạm tội; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; có thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại; có ông bà nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; sau khi phạm tội đã đầu thú để áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ đó, quyết định xử phạt bị cáo Lê Văn Tr tù chung thân về tội “Giết người”, 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tổng hợp hình phạt, bị cáo Tr phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tù chung thân là có căn

cứ, đúng pháp luật, không nặng, đủ nghiêm minh để trừng trị người phạm tội, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và chống tội phạm.

Bị cáo Lê Văn Tr kháng cáo xin giảm mức hình phạt nhưng lý do bị cáo trình bày trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa, cũng như ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu tại phiên tòa đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt. Đối với lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, ngoài ra không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt của bị cáo.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Tr; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Văn Tr.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê Văn Tr tù chung thân, về tội “Giết người”.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê Văn Tr 06 (sáu) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Lê Văn Tr phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tù chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 03 tháng 8 năm 2020.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê Văn Tr phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về việc buộc bị cáo Lê Văn Tr phải chịu nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho những người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc L1, cho bị hại chị Nguyễn Thị M2 và nghĩa vụ cấp

dưỡng đối với anh Nguyễn Th1; nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án dân sự; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Thủ tục về thi hành án dân sự được thực hiện theo hướng dẫn tại Bản án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền